

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HS-ST

Ngày 18-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Diện

2. Ông Nguyễn Văn Mừng

- Thư ký Tòa án biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Bá T** - Sinh năm 1968; Tên gọi khác: Không

Nơi sinh: Xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Khu 5, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ văn hóa: 7/10; Con ông: Phạm Bá N, đã chết; Con bà: Lương Thị L, đã chết; Vợ: Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1968; Con có 02 con, lớn nhất sinh năm 1992, con thứ hai (đã chết).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/6/2021 chuyển tạm giam ngày 09/7/2021, hiện đang bị Tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1968. Trú tại: Khu 5, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 30/6/2021, Phạm Bá T đã mượn xe máy mang BKS 36H5-093.92, loại xe Wave RSX, rồi đi từ nhà lên xã Suối Tôn, xã Phú Sơn, huyện Quan Hóa, mục đích tìm mua ma túy sử dụng. Khi đến bản Suối Tôn, xã Phú Sơn thì

Phạm Bá T gặp một người đàn ông dân tộc Mông không rõ tên tuổi, địa chỉ, T đã hỏi mua ma túy với người đàn ông này, người này đã bán cho Phạm Bá T 02 viên Methamphetamin và 01 gói nhỏ Hêrôin với số tiền là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). Khi mua được ma túy, Phạm Bá T đi về nhà, khi đi đến bản Khoa, xã Phú Sơn thì Phạm Bá T dừng lại lấy một ít ma túy (hêrôin) ra sử dụng, bằng hình thức chích, sau đó Phạm Bá T tiếp tục đi xe máy về nhà. Đến 16 giờ cùng ngày, khi Phạm Bá T đi về đến địa phận khu Mướp, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa thì Phạm Bá T bị Công an thị trấn Hồi Xuân đang làm nhiệm vụ kiểm tra, phát hiện T đang cầm các loại ma túy trên tay phải.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 nilon màu hồng bên trong có chứa chất bột màu trắng ngà và các viên nén màu hồng; 01 xe máy Wave đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận giám định số 2168/PC09 ngày 06/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

Cục vụn màu trắng ngà của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) 0,442g (Không thấy bốn bốn hai gam) loại: Hêrôin.

Các viên nén màu hồng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) 0,183g (Không thấy một tám ba gam) loại: Methamphetamine.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT đã trả lại 01 chiếc xe máy BKS 36H5-093.92, loại xe Wave RSX cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị Hồng T.

Tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKS-QH ngày 11/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa, truy tố bị cáo Phạm Bá T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tranh luận, luận tội đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị HĐXX tuyên, bị cáo Phạm Bá Thịnh phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đề nghị áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Bá Thịnh, từ **15** đến **18** tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập thường xuyên.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định, đây là vật chứng vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành;

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không bị Cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận biết rõ hành vi tàng trữ chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do bản thân nghiện chất ma túy, không làm chủ được hành vi, nên mới mua

ma túy để sử dụng dần, ngoài ra không nhằm mục đích nào khác; bị cáo nhận tội, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại được đầy đủ tài sản, nên không trình bày thêm gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai, bị cáo rất ân hận về việc làm sai trái, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để bị cáo sớm được về với gia đình, xã hội và sẽ trở thành người công dân tốt.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời nói sau cùng của Bị cáo và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định của cơ quan Cảnh sát điều, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, Bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đánh giá chứng cứ; đề nghị của Kiểm sát viên; hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong vật chứng; Bản kết luận giám định; Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung; phù hợp thời gian, địa điểm và chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào 16 giờ, ngày 30/6/2021, Cơ quan Công an đã bắt quả tang Phạm Bá T có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại khu Múp, xã Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, thu giữ của Phạm Bá T các chất ma túy gói trong túi nilon màu hồng, khi đang cầm trên tay phải. Phạm Bá T khai nhận đây là Methamphamin và hêrôin, mua về để sử dụng dần, không nhằm mục đích nào khác. Qua giám định, các chất ma túy thu của Phạm Bá T, gồm 0,442gam hêrôin và 0,183gam Methamphetaminhe, các chất ma túy bị cáo tàng trữ đều quy được định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS, do đó được phép cộng dồn các chất ma túy thu giữ của bị cáo là $0,442\text{g hêrôin} + 0,183\text{g methamphetamin} = 0,625\text{g ma túy các loại}$. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định bị cáo Phạm Bá T đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS, đúng như tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, luận tội của Kiểm sát viên và lời khai nhận tội của bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, vì bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết ma túy là chất gây nghiện, bị pháp luật nghiêm cấm, khi người sử dụng sẽ phải phụ thuộc hoàn toàn vào

ma túy, ma túy còn hủy hoại thể chất, tinh thần và đồng thời cũng có thể là tác nhân phát sinh những tội phạm khác, nhưng bị cáo vẫn cố ý tàng trữ với mục đích sử dụng; hành vi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền về chất ma túy của Nhà nước, gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Vì vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất mức độ, hành vi của bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời để bị cáo có thời gian cai nghiện chất ma túy. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Quan Hóa thực hành quyền công tố tại phiên tòa về hình phạt đối với bị cáo là phù hợp về khối lượng ma túy thu giữ, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 249 BLHS “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000^d đến 500.000.000^d.....”. Nhưng xét bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập thường xuyên, nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định, đây là vật chứng vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành, tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc xe máy thu giữ của bị cáo, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày là đã được nhận lại tài sản này, không đề nghị gì thêm. Nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo không thuộc đối tượng được miễn án phí, nên HĐXX buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333, Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Các nhận định khác:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận là mua ma túy của người đàn ông dân tộc Mông tại bản Suối Tôn, xã Phú Sơn, huyện Quan Hóa, nhưng bị cáo không biết tên tuổi, địa chỉ của người này, nên không thể xác minh làm rõ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Bá T** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Hình phạt: Xử phạt Bị cáo Phạm Bá T **18** (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (30/6/2021).

Vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ gói niêm phong và 0,403 gam các cục vun màu trắng ngà; các viên nén màu hồng có khối lượng là 0,104 gam là mẫu vật còn lại sau giám định. Tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Lê Minh Tiến, Nguyễn Văn Quân và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

Vật chứng trên hiện đang bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/10/2021 giữa Công an huyện Quan Hóa và Chi cục THADS huyện Quan Hóa.

Án phí: Áp dụng khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1, Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Bá T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Kháng cáo, Kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 332, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; Có mặt bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng 7 - VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Quan Hóa;
- Cơ quan THAHS – Công an huyện Quan Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Quan Hóa;
- Bộ phận hồ sơ - Công an H. Quan Hóa;
- Nhà Tạm giữ – Công an huyện Quan Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa;
- UBND thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa;
- Bị cáo Phạm Bá T;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

